

## HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG

### **Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2014 – 2020**

Với mục tiêu xây dựng và phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) theo quy hoạch, đảm bảo tính bền vững và hội nhập quốc tế, thực hiện Nghị quyết của ban Thường vụ Đảng uỷ ĐHQGHN họp ngày 10.5.2013 và Kết luận chỉ đạo của Giám đốc ĐHQGHN theo thông báo số 1293/TB-VP ngày 04.5.2013, ĐHQGHN hướng dẫn các đơn vị đào tạo thực hiện việc quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo như sau:

#### **1. Mục tiêu**

1.1. Phát huy tính tự chủ của các đơn vị đào tạo;

1.2. Các ngành, chuyên ngành được quy hoạch mang tính hệ thống, thể hiện sự liên thông cao trong ĐHQGHN, phù hợp với chiến lược phát triển và quy hoạch nguồn nhân lực chung của đất nước;

1.3. Làm cơ sở phục vụ công tác quy hoạch tổng thể của từng đơn vị cũng như của toàn ĐHQGHN, trên cơ sở đó có kế hoạch chủ động bố trí các nguồn lực, phục vụ công tác quản lý điều hành một cách có kế hoạch, thống nhất;

1.4. Dự báo được xu thế phát triển và nhu cầu đào tạo, khả năng và triển vọng đào tạo nguồn nhân lực đến năm 2020.

#### **2. Yêu cầu**

2.1. Phù hợp với chiến lược phát triển, thế mạnh, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị đào tạo và của toàn ĐHQGHN;

2.2. Đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, tính khả thi và hiệu quả;

2.3. Hệ thống chương trình đào tạo phải đảm bảo tính thống nhất, liên thông trong từng đơn vị, từng bậc đào tạo và trong toàn ĐHQGHN;

2.4. Phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế;

2.5. Đề án trình Giám đốc ĐHQGHN theo đúng quy định (phụ lục kèm theo) và đúng thời hạn.

### **3. Nguyên tắc**

3.1. Đúng luật;

3.2. Phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN;

3.3. Đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị đào tạo; không trùng lặp với những ngành, chuyên ngành của các đơn vị đào tạo khác (trong trường hợp trùng tên, cần có sự khác biệt về chuẩn đầu ra, đối tượng đào tạo; chương trình đào tạo).

3.4. Phát huy được thế mạnh của đơn vị đào tạo, có chú ý đến tính đặc thù;

3.5. Quy hoạch có tính mở, phù hợp với xu thế và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của đất nước và thế giới;

3.6. Với mỗi ngành đào tạo cần ưu tiên quy hoạch cả 3 bậc (hoàn thiện và phát triển các bậc đào tạo từ đại học đến tiến sĩ).

### **4. Tiêu chí**

4.1. Các ngành, chuyên ngành đang đào tạo phải đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục Đào tạo và ĐHQGHN; các ngành, chuyên ngành dự kiến mở mới, được quy hoạch phải thuyết minh được khả năng và lộ trình đáp ứng được các quy định, điều kiện mở ngành của Bộ Giáo dục Đào tạo và của ĐHQGHN.

4.2. Ưu tiên các ngành, chuyên ngành đào tạo sau:

4.2.1. Đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ những hướng ưu tiên, trọng điểm trong Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà nước;

4.2.2. Có tính liên ngành, độc đáo, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết trong ĐHQGHN; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp;

4.2.3. Có khả năng thu hút nguồn lực (có khả năng khai thác được nguồn lực của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các nhà tài trợ cũng như các nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác), có nhu cầu xã hội cao, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước;

4.2.4. Có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam, phù hợp với sứ mệnh của ĐHQGHN;

4.2.5. Phát huy được hiệu quả của hợp tác quốc tế để xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế;

4.2.6. Có nhóm nghiên cứu mạnh làm nguồn nhân lực nòng cốt phục vụ việc triển khai chương trình đào tạo;

4.3. Đảm bảo tính hệ thống và liên thông giữa ngành đào tạo đại học, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

## **5. Nội dung thực hiện**

### *5.1. Các đơn vị đào tạo*

5.1.1. Rà soát, đánh giá thực trạng các ngành, chuyên ngành đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng và kết quả đào tạo trên cơ sở các tiêu chí kiểm định chất lượng và yêu cầu về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5.1.2. Sắp xếp, bổ sung các ngành, chuyên ngành đào tạo, tham khảo danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo được ban hành theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/04/2010; số 04 /2012/TT-BGDĐT ngày 14/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.1.3. Phân loại ngành, chuyên ngành đào tạo phục vụ công tác quản lý và đầu tư gồm:

a) Ngành, chuyên ngành đào tạo trọng điểm

Là những ngành, chuyên ngành đào tạo nguồn nhân lực phục vụ những định hướng ưu tiên, trọng điểm trong Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà nước.

b) Ngành, chuyên ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế và định hướng phát triển đạt chuẩn quốc tế

- Có đội ngũ giảng viên có thể đảm nhận giảng dạy chuyên môn trong chương trình đào tạo bằng ngoại ngữ, đã từng giảng dạy hoặc được đào tạo đại học, sau đại học, bồi dưỡng ở các trường đại học có uy tín trên thế giới;

- Đội ngũ giảng viên có kết quả nghiên cứu khoa học đạt trình độ khu vực và quốc tế;

- Có khả năng liên kết, hợp tác quốc tế có hiệu quả.

c) Ngành, chuyên ngành đào tạo đề nghị được tự chủ về học phí

- Ngành có nhu cầu xã hội cao;

- Không phải là ngành đào tạo cơ bản;

- Có khả năng khai thác được nguồn lực của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các nhà tài trợ cũng như các nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác.

d) Ngành, chuyên ngành đào tạo cơ bản, đặc thù đề nghị Nhà nước ưu tiên đầu tư

Là những ngành thuộc nhóm các ngành khoa học cơ bản, đặc thù, nhu cầu xã hội không cao, có tỷ lệ đăng ký tuyển sinh/chỉ tiêu đào tạo thấp, nhưng cần duy trì và phát triển đào tạo để đáp ứng nguồn nhân lực của đất nước.

e) Các ngành, chuyên ngành đào tạo khác.

5.1.4. Mỗi đơn vị đào tạo lựa chọn từ 1 đến 2 ngành hoặc từ 1 đến 2 chuyên ngành đào tạo để ưu tiên đầu tư phát triển trong giai đoạn đến năm 2020;

5.1.5. Xác định rõ thời hạn bắt đầu (đối với ngành, chuyên ngành đào tạo mới mở) và kết thúc (đối với ngành, chuyên ngành chỉ thiết kế cho một nhu cầu nhất định hoặc cần dừng đào tạo do nhu cầu xã hội thay đổi);

5.1.6. Xác định rõ ngành kép, ngành chính phụ, liên ngành;

5.1.7. Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị thông qua và thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt.

## 5.2. ĐHQGHN

5.2.1. ĐHQGHN ban hành văn bản Hướng dẫn xây dựng Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo;

5.2.2. Trên cơ sở Đề án quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của các đơn vị, Ban Đào tạo xây dựng Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN;

5.2.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của ĐHQGHN góp ý Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN;

5.2.4. Giám đốc ĐHQGHN ký ban hành Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN.

## **6. Kế hoạch thực hiện**

6.1. Các đơn vị đào tạo hoàn thành Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị và báo cáo Giám đốc ĐHQGHN trước ngày 30/09/2013.

### *6.1.1. Đối với trường đại học thành viên*

Thực hiện quy hoạch ngành, chuyên ngành từ cấp khoa đến cấp trường:

- Các khoa xây dựng quy hoạch ngành, chuyên ngành và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa;

- Trên cơ sở quy hoạch của các khoa, trường xây dựng Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của trường và tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường.

### *6.1.2. Đối với các đơn vị trực thuộc (các khoa trực thuộc, viện nghiên cứu, trung tâm đào tạo và nghiên cứu)*

Các đơn vị trực thuộc xây dựng Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị và tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị.

6.2. Ban Đào tạo làm đầu mối xây dựng Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN trước ngày 30/10/2013;

6.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của ĐHQGHN thông qua Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN trước ngày 15/12/2013;

6.4. Ban Đào tạo hoàn thiện Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN và trình Giám đốc ĐHQGHN ký ban hành trước ngày 30/12/2013.

## **7. Kinh phí thực hiện**

Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chủ động bố trí kinh phí tổ chức thực hiện việc triển khai quy hoạch ngành/chuyên ngành và xây dựng Đề án của đơn vị.

## **8. Sản phẩm**

### 8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

Các đơn vị trình Giám đốc ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo):

- Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đã được phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị và đĩa CD ghi nội dung Đề án (theo đúng mẫu đề cương và đáp ứng các yêu cầu về nội dung như ở phần Phụ lục);

- Biên bản Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị.

- Công văn đề nghị Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt quy hoạch ngành/chuyên ngành đào tạo của Thủ trưởng đơn vị;

## 8.2. Đối với ĐHQGHN

Đề án Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHQGHN giai đoạn 2014-2020 được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.

ĐHQGHN đề nghị các đơn vị đào tạo tích cực triển khai thực hiện việc quy hoạch ngành, chuyên ngành theo đúng hướng dẫn, đảm bảo đúng mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu, nội dung, mẫu quy định, quy trình và thời hạn của ĐHQGHN.

### ***Nơi nhận:***

- Giám đốc (để báo cáo);
- Văn phòng, khối VP Đảng - Đoàn thể, các ban chức năng, Văn phòng CĐNVCL (để biết và phối hợp thực hiện);
- Các trường đại học, các khoa trực thuộc, các viện nghiên cứu, trung tâm đào tạo và nghiên cứu (để thực hiện);
- Lưu: VT, Ban ĐT, HA60.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**(đã ký)**

**Nguyễn Kim Sơn**

**Phụ lục 1 (mẫu đề cương của Đề án)**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Đơn vị: .....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN**  
**QUY HOẠCH NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**GIAI ĐOẠN 2014-2020**

Tên đơn vị đào tạo: .....

1. Bối cảnh
  - 1.1. Quốc tế
  - 1.2. Trong nước
  - 1.3. Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Sự cần thiết phải qui hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị
  - 2.1. Cơ sở pháp lý (luật pháp, chính sách... về GDĐT và về VNU),...
  - 2.2. Chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị đào tạo
  - 2.3. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức quản lý các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị
  - 2.4. Đánh giá hiệu quả của việc qui hoạch ngành, chuyên ngành (đối với các đơn vị, Đại học Quốc gia Hà Nội và xã hội).
3. Yêu cầu và nguyên tắc qui hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo
  - 3.1. Yêu cầu
  - 3.2. Nguyên tắc
4. Mục tiêu của đề án
  - 4.1. Mục tiêu chung
  - 4.2. Các mục tiêu cụ thể
5. Nội dung của đề án
  - 5.1. Thực trạng đào tạo của đơn vị từ năm học 2008-2009 đến 2012-2013

5.1.1. Ngành đào tạo (thống kê đang đào tạo, dừng đào tạo, mở mới trong giai đoạn 2008-2013);

5.1.2. Chuyên ngành đào tạo (thống kê đang đào tạo, dừng đào tạo, mở mới trong giai đoạn 2008-2013);

5.1.3. Quy mô tuyển sinh của từng năm học;

5.1.4. Số sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tốt nghiệp (phụ lục 2).

5.2. Ngành, chuyên ngành đào tạo hiện hành

5.2.1. Danh mục tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo hiện hành (phụ lục 3);

5.2.2. Thống kê các minh chứng về điều kiện đảm bảo chất lượng của các ngành, chuyên ngành đang đào tạo;

Các số liệu thống kê minh chứng được tính từ năm học 2008-2009 đến năm học 2012-2013 (5 năm học) theo các nội dung sau (cho từng ngành):

*5.2.2.1. Nguồn nhân lực và quy mô đào tạo*

a) Tỷ lệ người học/giảng viên;

b) Số lượng và tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, phó giáo sư, giáo sư;

c) Quy mô và tỷ lệ quy mô đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

d) Số lượng và tỷ lệ sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tốt nghiệp.

*5.2.2.2. Thành tích nghiên cứu khoa học*

a) Số lượng bài báo các loại và tỷ lệ bài báo khoa học bình quân trên một giảng viên;

b) Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo;

c) Sản phẩm khoa học công nghệ tiêu biểu;

d) Số lượng giải thưởng khoa học các loại;

e) Hợp tác đào tạo, nghiên cứu với doanh nghiệp, địa phương.

*5.2.2.3. Mức độ quốc tế hoá*

a) Số lượng giảng viên quốc tế;

b) Số lượng người học là người nước ngoài;

c) Số lượng các đề tài, chương trình hợp tác quốc tế.



#### 5.2.2.4. Cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

- a) Trang thiết bị, cơ sở vật chất cho phòng thí nghiệm, phòng thực hành;
- b) Cơ sở học liệu (số liệu các giáo trình; sách chuyên khảo; học liệu phục vụ đào tạo ngành, chuyên ngành hiện có tại đơn vị hoặc tại Trung tâm thư viện của ĐHQGHN).
- c) Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và thông tin khoa học.

5.2.2.5. *Đánh giá hiệu quả, chất lượng của chương trình đào tạo:* Trên cơ sở những số liệu như ở mục 5.2.2 trên đây, đơn vị tự nhận xét và đánh giá hiệu quả, chất lượng của từng chương trình đang đào tạo tại đơn vị theo các tiêu chí đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN và yêu cầu về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được ĐHQGHN phê duyệt.

### 5.3. Ngành, chuyên ngành đào tạo mới được quy hoạch

#### 5.3.1. Danh mục các ngành, chuyên ngành mới được quy hoạch (Phụ lục 4.1)

5.3.2. Thuyết minh về tính cần thiết, khả năng và lộ trình đáp ứng các yêu cầu và điều kiện mở ngành mới theo quy định của ĐHQGHN.

Thuyết minh chủ yếu về: tính cần thiết và nhu cầu xã hội; dự kiến thời điểm mở ngành và quy mô tuyển sinh; dự kiến nguồn nhân lực hoặc lộ trình xây dựng, phát triển nguồn nhân lực; các điều kiện về hợp tác quốc tế, hợp tác trong nước; cơ sở vật chất, học liệu; kinh phí để tổ chức đào tạo (ngân sách Nhà nước, học phí, nguồn thu khác) và khả năng đáp ứng các yêu cầu, điều kiện mở ngành, chuyên ngành mới của đơn vị.

### 5.4. Quy hoạch tổng thể ngành, chuyên ngành đào tạo

5.4.1. Danh mục quy hoạch các ngành, chuyên ngành đào tạo trọng điểm (phụ lục 5.1)

5.4.2. Danh mục quy hoạch các ngành, chuyên ngành đào tạo các ngành đạt chuẩn quốc tế (Phụ lục 5.2)

5.4.3. Danh mục quy hoạch các ngành, chuyên ngành đào tạo tự chủ về kinh phí (Phụ lục 5.3)

5.4.4. Danh mục quy hoạch các ngành, chuyên ngành đào tạo các ngành khoa học cơ bản cần hỗ trợ kinh phí (Phụ lục 5.4)

5.4.5. Danh mục các ngành, chuyên ngành khác (Phụ lục 5.5)

- 5.4.6. Danh mục quy hoạch các ngành kép, ngành chính-phụ (Phụ lục 5.6)
- 5.4.7. Danh mục quy hoạch tổng thể các ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị (Phụ lục 5.7)
- 5.5. Sơ đồ cây quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo (phụ lục 6)
- 5.6. Dự kiến qui mô đào tạo của các ngành/chuyên ngành đào tạo
- 6. Kế hoạch tổ chức đào tạo các ngành, chuyên ngành đào tạo
  - 6.1. Theo thời gian trong giai đoạn 2014-2020.
  - 6.2. Lập bảng thời gian bắt đầu đối với ngành mới, thời gian kết thúc đối với ngành dừng đào tạo (nếu có).
- 7. Các điều kiện đảm bảo tổ chức thực hiện
  - Trong mỗi mục chia ra 2 phần: Các điều kiện đã có, các điều kiện cần được bổ sung
  - 7.1. Nhân lực
    - 7.1.1. Danh sách giảng viên tham gia đào tạo ngành, chuyên ngành (phụ lục 7):

*Mỗi giảng viên chỉ được tính 1 lần cho 1 ngành đại học + 1 chuyên ngành bậc thạc sĩ + 1 chuyên ngành bậc tiến sĩ (nếu điều kiện học vị cho phép).*
    - 7.1.2. Danh sách cán bộ quản lý của đơn vị (phụ lục 8)
  - 7.2. Tài chính
    - Kinh phí đào tạo từ NSNN, từ học phí, từ nguồn thu khác.
  - 7.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị
- 8. Tính khả thi, bền vững và rủi ro (có thể) khi thực hiện đề án
  - 8.1. Tính khả thi và bền vững của đề án
  - 8.2. Những rủi ro (có thể) và các biện pháp khắc phục
- 9. Kết luận
- 10. Thủ trưởng đơn vị ký phê duyệt (ghi rõ ngày, tháng, năm; có đóng dấu của đơn vị)
- 11. Phê duyệt của Giám đốc ĐHQGHN
- 12. Phụ lục
- 13. Tài liệu tham khảo

**Phụ lục 2**

**Thực trạng đào tạo của đơn vị từ năm học 2008-2009 đến 2012-2013**

Năm học	Ngành/ chuyên ngành	Hiện đang ĐT	Dừng ĐT	Mở mới	Quy mô tuyển sinh	Đã tốt nghiệp	Ghi chú

**Phụ lục 3**

**Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo hiện hành**

Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1	1. Tên chuyên ngành 1.1			1. Tên chuyên ngành 1.1.1
					2. Tên chuyên ngành 1.1.2
					...
		2. Tên chuyên ngành 1.2			3. Tên chuyên ngành 1.2.1
					4. Tên chuyên ngành 1.2.2
					...
	...				
	2. Tên ngành 2		...		
	...				

Ví dụ:

Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi
<b>52</b>	<b>NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC</b>	<b>60</b>	<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>	<b>62</b>	<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
<b>5246</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>6046</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>6246</b>	<b>Toán và thống kê</b>
<b>524601</b>	<b>Toán học</b>	<b>604601</b>	<b>Toán học</b>	<b>624601</b>	<b>Toán học</b>
52460101	1. Toán học	60460102	1. Toán giải tích	62460102	1. Toán giải tích
		60460104	2. Đại số và lí thuyết số	62460103	2. Phương trình vi phân và tích phân
		60460105	3. Hình học và tô pô	62460104	3. Đại số và lí thuyết số
		60460106	4. Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	62460105	4. Hình học và tô pô
		60460110	5. Cơ sở toán học cho tin học	62460106	5. Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
		60460113	6. Phương pháp toán sơ cấp	62460110	6. Cơ sở toán học cho tin học
<b>5244</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>6044</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>6244</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>
<b>524401</b>	<b>Khoa học vật chất</b>	<b>604401</b>	<b>Khoa học vật chất</b>	<b>624401</b>	<b>Khoa học vật chất</b>
52440102	2. Vật lý học		7. ...		7. ...

**Phụ lục 4**

**Mẫu danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo mới**

<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>

**Phụ lục 5.1**

**Danh mục quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo trọng điểm**

Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1	1. Tên chuyên ngành 1.1		1. Tên chuyên ngành 1.1.1	
				2. Tên chuyên ngành 1.1.2	
				...	
		2. Tên chuyên ngành 1.2		3. Tên chuyên ngành 1.2.1	
				4. Tên chuyên ngành 1.2.2 *	
				...	
	2. Tên ngành 2 *	...			
		...			
	...				

Ghi chú: \* ngành, chuyên ngành được đánh dấu \* là ngành, chuyên ngành mới

**Phụ lục 5.2**

**Danh mục quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế**

Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi	Mã số	Tên gọi
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1	1. Tên chuyên ngành 1.1		1. Tên chuyên ngành 1.1.1	
				2. Tên chuyên ngành 1.1.2	
				...	
		2. Tên chuyên ngành 1.2		3. Tên chuyên ngành 1.2.1	
				4. Tên chuyên ngành 1.2.2 *	
				...	
	...				
	2. Tên ngành 2 *		...		
	...				

Ghi chú: \* ngành, chuyên ngành được đánh dấu \* là ngành, chuyên ngành mới

**Phụ lục 5.3**

**Danh mục quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo tự chủ về học phí**

<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1	1. Tên chuyên ngành 1.1		1. Tên chuyên ngành 1.1.1	
				2. Tên chuyên ngành 1.1.2	
				...	
		2. Tên chuyên ngành 1.2		3. Tên chuyên ngành 1.2.1	
				4. Tên chuyên ngành 1.2.2 *	
				...	
	...				
	2. Tên ngành 2 *		...		
	...				

Ghi chú: \* ngành, chuyên ngành được đánh dấu \* là ngành, chuyên ngành mới



**Phụ lục 5.4**

**Danh mục quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo khoa học cơ bản cần hỗ trợ kinh phí**

<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1	1. Tên chuyên ngành 1.1		1. Tên chuyên ngành 1.1.1	
				2. Tên chuyên ngành 1.1.2	
				...	
		2. Tên chuyên ngành 1.2		3. Tên chuyên ngành 1.2.1	
				4. Tên chuyên ngành 1.2.2 *	
				...	
	2. Tên ngành 2 *		...		
	...				

Ghi chú: \* ngành, chuyên ngành được đánh dấu \* là ngành, chuyên ngành mới

**Phụ lục 5.5**

**Danh mục quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo khác**

<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1		1. Tên chuyên ngành 1.1		1. Tên chuyên ngành 1.1.1
					2. Tên chuyên ngành 1.1.2
					...
			2. Tên chuyên ngành 1.2		3. Tên chuyên ngành 1.2.1
					4. Tên chuyên ngành 1.2.2 *
					...
		...			
	2. Tên ngành 2 *		...		
	...				

Ghi chú: \* ngành, chuyên ngành được đánh dấu \* là ngành, chuyên ngành mới

**Phụ lục 5.6**

**Danh mục quy hoạch ngành kép, ngành chính-phụ**

<b>Stt</b>	<b>Tên ngành chính</b>	<b>Mã ngành chính</b>	<b>Ngành kép</b>	<b>Mã số ngành kép</b>	<b>Ngành phụ</b>	<b>Mã số ngành phụ</b>

**Phụ lục 5.7**

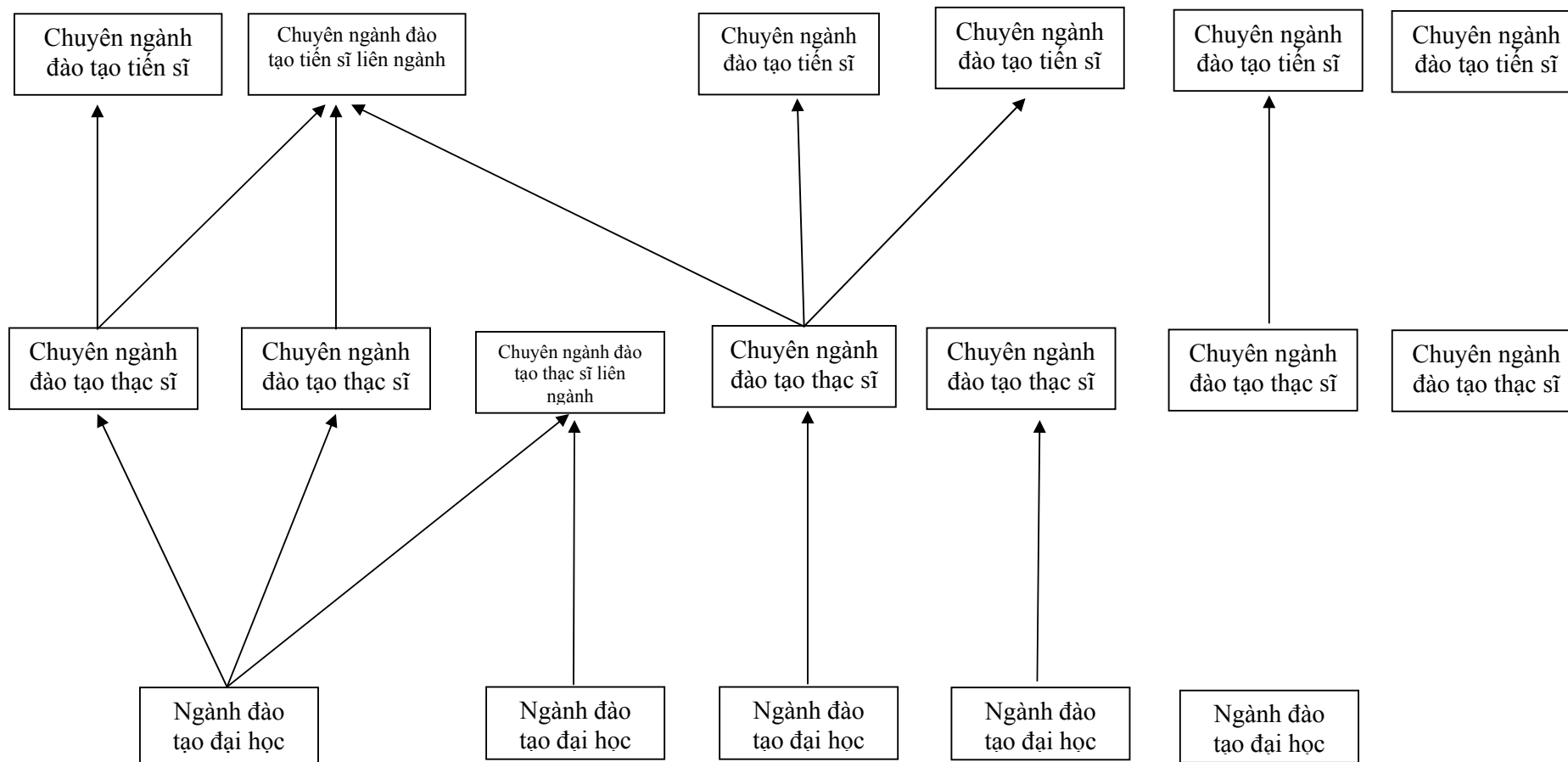
**Bản quy hoạch tổng thể ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị**

<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên gọi</b>
	<b>NGÀNH ĐT ĐẠI HỌC</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ</b>		<b>CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>
	1. Tên ngành 1	1. Tên chuyên ngành 1.1		1. Tên chuyên ngành 1.1.1	
				2. Tên chuyên ngành 1.1.2	
				...	
		2. Tên chuyên ngành 1.2		3. Tên chuyên ngành 1.2.1	
				4. Tên chuyên ngành 1.2.2 *	
				...	
	...				
	2. Tên ngành 2 *		...		
	...				

Ghi chú: \* ngành, chuyên ngành được đánh dấu \* là ngành, chuyên ngành mới

**Phụ lục 6**

**Sơ đồ cây quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo**



**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Đơn vị: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 7**

**Danh sách giảng viên tham gia đào tạo ngành/chuyên ngành của đơn vị  
(Thống kê từng bảng riêng, cho từng ngành/chuyên ngành/từng bậc đào tạo)**

Ngành/chuyên ngành..... Bậc đào tạo.....

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh, Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Hướng nghiên cứu

Tổng số: ..... giảng viên, trong đó:

1. Số giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư

Số giảng viên có chức danh giáo sư: .....

Số giảng viên có chức danh phó giáo sư: .....

2. Số giảng viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư

Số giảng viên có học vị tiến sĩ khoa học: .....

Số giảng viên có học vị tiến sĩ: .....

Số giảng viên có học vị thạc sĩ: .....

Số giảng viên có trình độ đại học: .....

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Đơn vị: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 8**

**Danh sách cán bộ quản lý của đơn vị**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh, Học vị	Ngoại ngữ

Tổng số: ..... cán bộ quản lý, trong đó:

1. Số cán bộ quản lý có chức danh giáo sư, phó giáo sư

*Số cán bộ quản lý có chức danh giáo sư: .....*

*Số cán bộ quản lý có chức danh phó giáo sư: .....*

2. Số cán bộ quản lý chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư

*Số cán bộ quản lý có học vị tiến sĩ khoa học: .....*

*Số cán bộ quản lý có học vị tiến sĩ: .....*

*Số cán bộ quản lý có học vị thạc sĩ: .....*

*Số cán bộ quản lý có trình độ đại học: .....*